TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯ PRÔNG** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 01/2019/HSST Ngày 06/01/2020	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PRÔNG TỈNH GIA LAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Chí Công.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Siu Hoàng.
2. Ông Đặng Hồng Việt

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Hà Đức Quang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai tham gia phiên toà: Ông Lê Văn Sơn– Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 01 năm 2020 tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 43/2019/HSST ngày 25 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2019/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo: Kpuih P, sinh ngày 06/5/2000 tại huyện C, tỉnh G; trú tại: làng P, xã I, huyện C, tỉnh G; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hoá: không đi học; dân tộc: Jrai; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; con ông Siu M (chết) và bà Kpuih D; vợ là Kpă S, sinh năm 1999 và có 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú và có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Bà Trang Thị Thùy Dương, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Gia Lai (có mặt).

- *Nguyên đơn dân sự:* Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh G.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Ngọc T, chức vụ: Chủ tịch;

Người đại diện ủy quyền: Ông Nguyễn Tuấn A, chức vụ: Phó Chủ tịch.

Địa chỉ: Ủy ban nhân dân xã I, huyện C, tỉnh G (có mặt).

- *Người phiên dịch tiếng Jrai:* Ông Siu B (có mặt).

NHẬN THẤY:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Để có đất canh tác làm nương rẫy, trong khoảng thời gian từ tháng 8/2018 đến tháng 4/2019, Kpuih P đã dùng dao, cưa lốc vào khu vực lô 8, khoảnh 9, tiểu khu 998 thuộc xã I, huyện C, tỉnh G chặt phá cây rừng. Ngày 04/4/2019 khi P đang thu gom cây rừng đã chặt hạ để đốt thì bị lực lượng quản lý rừng xã A bắt quả tang.

Ngày 09/4/2019 các cơ quan chức năng tiến hành khám nghiệm hiện trường xác định diện tích đất rừng bị Kpuih P chặt phá là 7.315m^2 tại lô 8, tiểu khu 998, tọa độ OX 421725; OY 1486359 thuộc rừng tự nhiên rụng lá phục hồi, đây là rừng sản xuất do UBND xã A quản lý. Khối lượng cây rừng bị chặt hạ là 47 gốc có đường kính từ 12-30cm bao gồm các loại gỗ Cà chít, Chiêu Liêu, Sp7, Vên Vên, Dầu, Muồng, Sễn mủ (từ nhóm II đến nhóm VII), được xác định là 3,602m^3 gỗ và 0,46 Ster củi.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 28 ngày 13/6/2019 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện C xác định: tài sản bị thiệt hại là 12.532.130đ.

Kết luận giám định xác định thiệt hại môi trường ngày 19/11/2019 của Chi cục kiểm lâm tỉnh G xác định: Diện tích 7.135m^2 bị chặt phá hết cây rừng nên mức độ thiệt hại Dtn = 1. Diện tích rừng bị chặt phá tại khoảnh 9, tiểu khu 988, thuộc quy hoạch đất rừng sản xuất, do đó hệ số Ktn = 3.

Tại bản kết luận định giá số 45 ngày 27/8/2019 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện C xác định thiệt hại về môi trường là 37.596.390đ.

Về vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu giữ gồm 01 con dao lưỡi bằng sắt, cán tre, chiều dài tổng thể 45,5cm, cán dao dài 21,5cm .

Đối với máy cưa lốc, P khai nhận đã bị hỏng bán lại cho một người đi mua phế liệu xã Ia Piơr. Cơ quan điều tra đã xác minh nhưng không xác định được.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường được 2.000.000đ; đại diện nguyên đơn dân sự yêu cầu bị cáo phải bồi thường toàn bộ thiệt hại theo quy định của pháp luật.

Tại bản cáo trạng số 41/CT-VKS ngày 20/11/2019 VKSND huyện C Truy tố bị cáo Kpuih P về tội "Hủy hoại rừng" theo điểm b khoản 1 Điều 243 Bộ luật hình sự.

Trình bày lời luận tội đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo phạm tội "Hủy hoại rừng";

- Áp dụng Điều 38; điểm b khoản 1 Điều 243; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Kpuih Preo từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng.

- Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị áp dụng Điều 584, 589 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho UBND xã A số tiền thiệt hại về gỗ và môi trường là là 50.128.520đ, đã bồi thường được 2.000.000đ, nay cần buộc bị cáo phải tiếp tục bồi thường số tiền còn lại 48.128.520đ.

- Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử quyết định xử lý vật chứng và giải quyết về án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi như nội dung cáo trạng đã mô tả, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Người bào chữa cho bị cáo nhất trí về tội danh và các điều khoản áp dụng pháp luật mà Viện kiểm sát đề nghị áp dụng cho bị cáo. Người bào chữa cho rằng bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng đặc biệt khó khăn; là hộ nghèo, là lao động chính trong gia đình, còn phải nuôi hai con nhỏ, là người có nhân thân tốt, đã khắc phục một phần hậu quả. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, xử phạt bị cáo ở mức 12 tháng tù, cho bị cáo hưởng án treo là phù hợp. Mặt khác bị cáo là hộ nghèo nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho miễn nộp toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định.

Đại diện nguyên đơn dân sự yêu cầu bị cáo phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ Luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ của người bào chữa theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên và Người bào chữa đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về trách nhiệm hình sự của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng đã mô tả, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên đủ cơ sở để kết luận: Khoảng thời gian từ tháng 8/2018 đến tháng 4/2019 Kpuih P đã sử dụng dao và cưa lốc vào khu vực lô 8, khoảnh 9, tiểu khu 998 chặt phá cây rừng trái phép trên diện tích 7.315m^2 là rừng sản xuất do Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh G quản lý để lấy đất làm nương rẫy. Hành vi của bị cáo đã gây thiệt hại 12.532.000đ cây gỗ và thiệt hại về môi trường quy ra thành tiền là 37.596.390đ. Hành vi của bị cáo đã phạm tội "Hủy hoại rừng" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243 Bộ luật hình sự.

[3]. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ phá rừng trái phép là vi phạm pháp luật. Song chỉ vì muốn lấy đất để làm rẫy bị cáo đã bất chấp sự nghiêm cấm của pháp luật cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã gây thiệt hại về môi trường sinh thái, ảnh hưởng đến công tác quản lý và bảo vệ rừng phòng hộ trên địa bàn huyện C. Do vậy, cần xử lý bị cáo mức hình phạt phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội mới đủ giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải. Bị cáo đã cố gắng khắc phục một phần hậu quả với số tiền là 2.000.000 đồng. Mặt khác bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng sâu, vùng xa; trình độ học vấn thấp nên nhận thức và hiểu biết pháp luật còn hạn chế; bị cáo vì hoàn cảnh kinh tế khó khăn thuộc diện hộ nghèo, thiếu đất sản xuất, muốn có đất làm nương rẫy để cải thiện đời sống. Do vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xét bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng khoản 1 Điều 65 Bộ luật hình sự để xử phạt tù nhưng cho hưởng án treo, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách cũng đủ tác dụng răn đe và phòng ngừa.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 584 và Điều 589 Bộ luật dân sự, Bị cáo gây thiệt hại về gỗ trị giá 12.532.130đ và thiệt hại về môi trường là 37.596.390đ, tổng cộng là 50.128.520đ nên phải có trách nhiệm bồi thường cho nguyên đơn dân sự. Sau khi sự việc được phát hiện, bị cáo đã nộp số tiền khắc phục hậu quả là 2.000.000đ, nay cần buộc bị cáo phải tiếp tục bồi thường số tiền còn lại 48.128.520đ.

[7]. Về xử lý vật chứng: 01 con dao lưỡi bằng sắt, cán tre, chiều dài tổng thể 45,5cm, cán dao dài 21,5cm là công cụ phương tiện phạm tội, hiện không có giá trị sử dụng nên căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy.

Đối với máy cưa lốc, bị cáo khai nhận đã bị hỏng bán lại cho một người đi mua phế liệu xã I. Cơ quan điều tra đã xác minh nhưng không xác định được nên không đề cập xử lý.

[8]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Xét thấy bị cáo là cá nhân thuộc hộ nghèo và có đơn xin miễn nộp tiền án phí. Do vậy căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng xét xử cho bị cáo được miễn nộp toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố bị cáo Kpuih P phạm tội "Hủy hoại rừng".

- Áp dụng Điều 38; điểm b khoản 1 Điều 243; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự; Điều 584, 589 Bộ luật dân sự.

- Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Xử phạt bị cáo Kpuih P 16 *(mười sáu)* tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 32 *(ba mươi hai)* tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Kpuih P cho Ủy ban nhân xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự để giải quyết.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- *Về trách nhiệm dân sự, bồi thường thiệt hại:* Buộc bị cáo Kpuih Preo phải bồi thường cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh G số tiền 50.128.520đ, bị cáo đã bồi thường được 2.000.000đ theo biên lai thu số 0005429 ngày 03/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh G. Bị cáo Kpuih P phải bồi thường tiếp là 48.128.520đ *(bốn mươi tám triệu một trăm hai mươi tám nghìn năm trăm hai mươi đồng)*.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- *Về xử lý vật chứng:* Tịch thu tiêu hủy 01 con dao rựa, lưỡi bằng sắt, cán tre, chiều dài tổng thể 45,5cm, cán dao dài 21,5cm. (Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 22/11/2019 giữa Cơ quan điều tra và Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh G).

Về án phí: Bị cáo Kpuih P được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo, nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Nguyên đơn dân sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Chư Prông;
- Công an huyện Chư Prông;
- Lưu hồ sơ/VP(02 bản**).**

Đặng Chí Công